

Số: **31** /BC-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày **04** tháng **4** năm 2012

BÁO CÁO

Tổng kết công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về hộ tịch trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

SỞ TƯ PHÁP TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

SỐ: 31

Kính gửi: Bộ Tư pháp

Ngày 15 tháng 4 năm 2012

Thực hiện Quyết định số 4279/QĐ-BTP ngày 17 tháng 11 năm 2011 của Bộ Tư pháp về ban hành Kế hoạch tổng kết công tác đăng ký và quản lý hộ tịch và việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về hộ tịch, Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế báo cáo Bộ Tư pháp, như sau:

I. ĐÁNH GIÁ CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ HỘ TỊCH HIỆN HÀNH TRONG MỐI LIÊN HỆ VỚI THỰC TIỄN ĐỂ LÀM CƠ SỞ CHO VIỆC XÂY DỰNG LUẬT HỘ TỊCH

1. Pháp luật về hộ tịch hiện hành với mối liên hệ thực tiễn:

Với tư cách là thành viên của xã hội, từ lúc sinh ra con người đã được hưởng những quyền nhất định: Quyền tự do dân chủ, quyền về dân sự... Trong các quyền dân sự của cá nhân thì quyền nhân thân là một phần rất quan trọng, là một trong những nội dung cơ bản của quyền con người nên đã được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Trong pháp luật Việt Nam, các quyền nhân thân được quy định cụ thể trong Hiến pháp và Bộ Luật dân sự. Tuy không phải là những văn bản quy định trực tiếp về đăng ký và quản lý hộ tịch, nhưng mang tính nguyên tắc trong lĩnh vực hộ tịch.

Mục 2, Chương II Bộ Luật dân sự đã quy định khá đầy đủ và cụ thể về quyền nhân thân, quyền được pháp luật bảo vệ quyền nhân thân. Việc Nhà nước ban hành và quy định các quyền nhân thân của cá nhân là khẳng định sự quan tâm của Nhà nước đối với các giá trị của quyền nhân thân. Một số mục của Bộ Luật dân sự được tách ra thành các luật khác như Luật Hôn nhân và gia đình, Luật Nuôi con nuôi hay các văn bản pháp quy dưới luật như Nghị định, Thông tư,... Tuy nhiên, Bộ Luật dân sự, Luật Hôn nhân gia đình cũng như các Nghị định, Thông tư hướng dẫn đã biểu lộ nhiều hạn chế, bất cập như: Một số quy định không phù hợp, mâu thuẫn nhau (quy định người thành niên, người chưa thành niên tại Bộ Luật dân sự mâu thuẫn với quy định về độ tuổi kết hôn của nữ tại Luật Hôn nhân và gia đình; Luật Hôn nhân và gia đình quy định nam- nữ không đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng, nhưng theo Nghị quyết 35/2000/QH10 và các văn bản hướng dẫn thì vẫn thừa nhận hôn nhân thực tế đối với những trường hợp nam, nữ sống chung với nhau từ 03/01/1987 trở về trước mà không đăng ký kết hôn); một số quy định của Bộ Luật dân sự còn quá cụ thể và mang nặng tính hành chính (những quy định về giám hộ, nơi cư trú).

Vấn đề về đăng ký hộ tịch hiện được quy định các văn bản: Luật Hôn nhân và gia đình, Nghị định số 68/2002/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài, Nghị định số 69/2006/NĐ-CP ngày 21 tháng 7 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2002/NĐ-CP, Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch, Nghị định số 77/2001/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2001 của Chính phủ quy định chi tiết về đăng ký kết hôn theo Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình, Nghị định số 32/2002/NĐ-CP ngày 27/3/2002 của Chính phủ quy định việc áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình đối với các dân tộc thiểu số.

Các văn bản quy phạm pháp luật về hộ tịch nêu trên có ý nghĩa thiết thực trong đời sống xã hội, đã giải quyết được nhiều vướng mắc, tồn tại của công tác đăng ký hộ tịch so với trước đây. Việc tăng mạnh thẩm quyền cho UBND cấp xã, chuyển giao một số việc thuộc thẩm quyền của Sở Tư pháp cho phòng Tư pháp cấp huyện, cấp xã đã tạo nhiều điều kiện thuận lợi hơn cho công dân, tổ chức khi thực hiện đăng ký hộ tịch. Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong công tác đăng ký và quản lý hộ tịch và được sự đồng tình, ủng hộ cao trong đại bộ phận quần chúng nhân dân.

2. Những bất cập, tồn tại giữa quy định của pháp luật với thực tiễn:

Tuy các văn bản quy phạm pháp luật về hộ tịch hiện hành mang tính ưu việt nhưng trong quá trình thực hiện còn phát sinh nhiều vấn đề bất cập:

- Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về hộ tịch được quy định quá tản mạn. Cùng việc đăng ký hộ tịch nhưng đối với trong nước thì thực hiện theo Nghị định số 158/2005/NĐ-CP, đối với các dân tộc thiểu số thực hiện theo Nghị định số 32/2002/NĐ-CP, một số trường hợp đăng ký hộ tịch có yếu tố nước ngoài được thực hiện theo Nghị định số 68/2002/NĐ-CP và Nghị định số 69/2006/NĐ-CP.

- Biểu mẫu, sổ hộ tịch thường xuyên thay đổi. Từ khi Chính phủ quy định biểu mẫu hộ tịch chung của cả nước đã thay đổi hình thức quá nhiều lần và không thống nhất như: Cùng là Giấy khai sinh bản chính nhưng mẫu do UBND xã cấp, mẫu do Sở Tư pháp cấp, mẫu do cơ quan đại diện ngoại giao cấp... (tính từ năm 1998 đến nay đã có 05 Quyết định, Thông tư quy định về sổ, biểu mẫu hộ tịch: Quyết định số 1203/QĐ/TP-HT ngày 26/12/1998 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành biểu mẫu, sổ sách hộ tịch; Quyết định số 15/2003/QĐ-BTP ngày 12/2/2003 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành biểu mẫu hộ tịch, sổ hộ tịch có yếu tố nước ngoài; Quyết định số 01/2006/QĐ-BTP ngày 29/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành sổ hộ tịch, biểu mẫu hộ tịch; Quyết định số 04/2007/QĐ-BTP, ngày 13/6/2007 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành sổ đăng ký hộ tịch, biểu mẫu hộ tịch sử dụng tại Cơ quan đại diện ngoại giao, Cơ quan lãnh sự của Việt Nam tại nước ngoài; Thông tư số 01/2008/TT-BTP ngày 02/6/2008 hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 158/2005/NĐ-CP có ban hành kèm theo 05 loại biểu mẫu hộ tịch áp dụng tại Sở Tư pháp; Thông tư số 08a/2010/TT-BTP ngày 25/3/2010 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng sổ, biểu mẫu hộ tịch). Sự thay đổi liên tục về sổ, biểu mẫu hộ tịch gây lãng phí lớn và có sự nhầm lẫn khi sử dụng.

- Quy định về trình tự, thủ tục không thống nhất, khó hướng dẫn. Cụ thể: Do đơn giản hóa các thủ tục, giấy tờ nên Bộ Tư pháp không quy định các biểu mẫu, tờ

khai như đăng ký khai sinh, khai tử... nên người tiếp nhận hồ sơ không được cung cấp thông tin đầy đủ để thực hiện việc đăng ký chính xác. Vì vậy, không phù hợp với thực tế và không phù hợp với phương châm mẫu hóa giấy tờ để người dân dễ dàng cung cấp thông tin cho cơ quan, đơn vị tiếp nhận yêu cầu.

- Quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về hộ tịch còn dàn trải, chưa tập trung thống nhất.

- Nhiều vấn đề hộ tịch phát sinh nhưng do văn bản chồng chéo hoặc không quy định hoặc có quy định nhưng bất cập. Cụ thể:

+ Nghị định số 158/2005/NĐ-CP có quy định cho phép cấp lại bản chính Giấy khai sinh, nhưng không quy định việc cấp lại bản chính các giấy tờ hộ tịch khác như: Giấy Chứng nhận kết hôn, Giấy Chứng tử, Quyết định công nhận cha, mẹ, con... Nghị định số 158/2005/NĐ-CP không quy định số lần được cấp lại bản chính giấy khai sinh.

+ Những trường hợp giấy khai sinh của một người đã ghi rõ tên cha, mẹ. Nay có người khác nhận là cha/mẹ đẻ và các bên không xảy ra tranh chấp thì thẩm quyền giải quyết thuộc về Ủy ban nhân dân hay Tòa án? Vì: Theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự thì Tòa án chỉ giải quyết vấn đề trên khi có tranh chấp, nhưng theo Luật Hôn nhân và gia đình quy định trường hợp cha, mẹ không thừa nhận con thì phải có chứng cứ và được Tòa án xác định.

+ Việc xác nhận tình trạng hôn nhân trong thời gian còn sống của người đã chết có được thực hiện hay không? Không thấy văn bản nào quy định.

+ Nghị định số 68/2002/NĐ-CP có quy định việc từ chối kết hôn nếu phát hiện việc kết hôn thông qua môi giới bất hợp pháp, kết hôn giả tạo không nhằm mục đích xây dựng gia đình no ấm ... Tuy nhiên, trên thực tế để xác định thế nào là kết hôn giả tạo, không nhằm mục đích xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững hoặc vì mục đích trục lợi khác là rất khó chứng minh.

+ Nghị định số 69/2006/NĐ-CP có quy định từ chối kết hôn khi không phù hợp với thuần phong mỹ tục của dân tộc, tuy nhiên không thể xác định được như thế nào là vi phạm về thuần phong mỹ tục của dân tộc.

+ Chưa có chế tài đủ mạnh để xử lý các trường hợp cố tình khai báo gian dối nhằm kết hôn trái phép, lợi dụng việc kết hôn để hợp thức hoá việc xuất cảnh ra nước ngoài.

II. TÌNH HÌNH ĐĂNG KÝ, QUẢN LÝ HỘ TỊCH VÀ HIỆU QUẢ THỰC TẾ CỦA CÔNG TÁC NÀY ĐỐI VỚI CÁC MẶT KINH TẾ, XÃ HỘI, QUỐC PHÒNG TẠI ĐỊA PHƯƠNG

1. Sự quan tâm chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương đối với công tác hộ tịch:

Cấp ủy, chính quyền địa phương xác định tầm quan trọng của công tác đăng ký và quản lý hộ tịch nên đã thường xuyên quan tâm, chỉ đạo, xây dựng các chính sách, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc như máy vi tính, máy in cũng được bổ sung kịp thời. Các văn bản về hộ tịch mới được ban hành đều được tỉnh triển khai thực hiện nghiêm túc, đúng thời gian, tiến độ. Bộ trí cán bộ đúng chuyên môn nghiệp vụ để tiếp nhận và giải quyết hồ sơ hộ tịch... Do đó, công tác đăng ký quản lý hộ tịch ngày càng đi vào nề nếp, hạn chế tình trạng sai sót hay phiền hà

cho người dân khi đi đăng ký hộ tịch, đáp ứng nhu cầu của nhân dân, bảo đảm ổn định an ninh - xã hội, tạo điều kiện phát triển kinh tế, xã hội trên địa bàn tỉnh.

Đến nay, hầu hết các xã/phường/thị trấn, các huyện/thị xã/thành phố và Sở Tư pháp đã bố trí bộ phận tiếp nhận và trả kết quả để tiếp nhận và giải quyết hồ sơ hộ tịch. Mỗi đơn vị cấp xã có từ 01 - 02 cán bộ chuyên trách công tác tư pháp- hộ tịch, có phẩm chất đạo đức tốt, tận tụy với nhân dân, hầu hết công chức đảm nhiệm công tác đăng ký và quản lý hộ tịch đều có trình độ Trung cấp luật trở lên, đáp ứng được yêu cầu công việc.

Cán bộ tư pháp- hộ tịch hàng năm đều được tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ do Sở Tư pháp phối hợp với Trường Chính trị Nguyễn Chí Thanh tổ chức 1 - 2 lần/năm.

2. Tổ chức bộ máy làm công tác đăng ký và quản lý hộ tịch:

* Thực trạng đội ngũ cán bộ làm công tác đăng ký và quản lý hộ tịch tại tỉnh:

a) Cấp tỉnh (Sở Tư pháp): Có Phòng Hành chính tư pháp- Bổ trợ tư pháp với 06 công chức trực tiếp thực hiện nhiệm vụ tham mưu quản lý và đăng ký hộ tịch (Độ tuổi dưới 30 tuổi: 01 người; từ 30-40 tuổi: 05 người. Trình độ chuyên môn: 06/06 người Đại học Luật).

b) Cấp huyện (Phòng Tư pháp): 47 công chức/09 huyện, thị xã, thành phố (Độ tuổi: dưới 30 tuổi: 12 người; từ 30-40 tuổi: 17 người; từ 40-50 tuổi: 12 người; trên 50 tuổi: 06 người. Trình độ chuyên môn: Đại học: 45 người; Trung cấp: 01; chưa qua đào tạo: 01).

c) Cấp xã (chuyên trách tư pháp- hộ tịch): 239 công chức/152 xã, phường, thị trấn (Độ tuổi: dưới 30 tuổi: 94 người; từ 30-40 tuổi: 85 người; từ 40-50 tuổi: 41 người; trên 50 tuổi: 19 người. Trình độ chuyên môn: Đại học: 87 người; Trung cấp: 136 người; chưa qua đào tạo: 16 người).

Nhìn chung, đội ngũ cán bộ tư pháp- hộ tịch được đào tạo cơ bản về chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị theo tiêu chuẩn quy định, có ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

(Đội ngũ cán bộ công chức tư pháp- hộ tịch toàn tỉnh xem phụ lục 3 kèm theo)

* Những tồn tại, hạn chế:

- Hiện chỉ có Sở Tư pháp bố trí cán bộ chuyên trách công tác hộ tịch (thuộc Phòng Hành chính tư pháp- bổ trợ tư pháp), ngoài ra cán bộ tư pháp- hộ tịch cấp huyện, cấp xã không có chuyên trách mà phải thực hiện nhiều nhiệm vụ khác của ngành tư pháp.

- Công chức tư pháp - hộ tịch thường là nguồn quy hoạch cán bộ lãnh đạo nên qua mỗi kỳ bầu cử, cán bộ tư pháp- hộ tịch được bầu vào vị trí lãnh đạo cấp xã. Vì vậy, vị trí cán bộ tư pháp- hộ tịch luôn bị thay đổi dẫn đến không chuyên nghiệp.

- Công chức tư pháp- hộ tịch cấp huyện, cấp xã được giao quá nhiều nhiệm vụ nên không có thời gian nghiên cứu, cập nhật, nâng cao kiến thức nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học.

3. Hệ thống sổ hộ tịch, hồ sơ hộ tịch đang lưu giữ:

Thực hiện Nghị định số 219-HĐBT, ngày 20/11/1987 của Hội đồng Bộ trưởng về việc chuyển giao công tác đăng ký hộ tịch từ Bộ Nội vụ (nay là Bộ Công an) sang Bộ Tư pháp và Ủy ban nhân dân các cấp. UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tư pháp và UBND các cấp tiếp nhận toàn bộ hệ thống sổ sách hộ tịch đã được lưu trữ tại Công an để lưu trữ tại Sở Tư pháp và UBND các cấp theo đúng quy định của

Nghị định số 219-HĐBT. Tuy nhiên, do điều kiện lịch sử và vị trí địa lý nên hệ thống sổ sách hộ tịch được lưu trữ tại tỉnh gặp nhiều khó khăn.

Công tác quản lý hệ thống sổ sách hộ tịch từ năm 1999 trở về trước còn khá lỏng lẻo, sổ sách ghi chép không đầy đủ, rõ ràng, thiếu nhiều nội dung như: Mục phân khai về cha mẹ trong sổ đăng ký khai sinh, giấy khai sinh không ghi số, quyền số hoặc cấp bản chính nhưng không vào sổ hộ tịch. Số tại sổ gốc và bản chính giấy khai sinh không trùng nhau... Ngoài ra, do là địa bàn thường xuyên xảy ra thiên tai trong khi đó đa số các cơ quan, đơn vị chưa có kho lưu trữ về sổ hộ tịch hoặc có nhưng không đảm bảo yêu cầu nên rất nhiều trường hợp sổ sách bị rách nát hoặc hư hỏng và do lụt cuốn trôi (nhất là tại các đơn vị cấp xã).

Từ năm 2000 đến nay, việc lưu trữ sổ sách hộ tịch trên địa bàn tỉnh được chú trọng hơn, sổ sách lưu trữ chất lượng hơn, thể hiện đầy đủ, chính xác thông tin nên thuận tiện cho người dân khi yêu cầu cấp bản sao các giấy tờ về hộ tịch và cung cấp thông tin về hộ tịch cho các cơ quan có liên quan.

(Số lượng sổ sách hộ tịch hiện đang lưu giữ trên địa bàn tỉnh xem phụ lục 6 kèm theo).

4. Tình hình và khả năng khai thác hệ thống dữ liệu hộ tịch và hiệu quả thực tế của công tác hộ tịch đối với các mặt kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng tại địa phương:

Việc lưu trữ sổ sách hộ tịch còn nhiều bất cập, chủ yếu được lưu trữ thủ công, nhất là tại cấp xã, được giao cho cán bộ tư pháp- hộ tịch chịu trách nhiệm lưu trữ, thiếu khoa học, không bố trí kho, phòng riêng, không có phương tiện bảo quản, việc tra cứu, sao lục mang tính thủ công.

Từ thực trạng trên dẫn đến khả năng khai thác hệ thống cơ sở dữ liệu hộ tịch của địa phương phục vụ cho nhu cầu kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng không đạt hiệu quả cao như yêu cầu. Mới chỉ đáp ứng được một phần về nhu cầu sao lục hộ tịch của công dân phục vụ cho mục đích cá nhân.

5. Công tác đăng ký, quản lý hộ tịch trong mối quan hệ với cải cách thủ tục hành chính:

Nhận thức rõ yêu cầu đặt ra đối với công tác đăng ký và quản lý hộ tịch trong giai đoạn hiện nay với việc hướng vào đổi mới quy trình làm việc theo hướng đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả công tác. Xuất phát từ đòi hỏi của thực tiễn và yêu cầu ngày càng cao của công cuộc đổi mới, của nhiệm vụ cải cách tư pháp, cải cách hành chính, dưới sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh nên hệ thống các cơ quan tư pháp địa phương trong toàn tỉnh đã thực hiện cơ chế “một cửa”, công khai thủ tục, lệ phí, thời hạn giải quyết từng sự kiện hộ tịch. Góp phần tăng cường năng lực, trách nhiệm của cán bộ, công chức và cơ quan nhà nước, kỹ năng nghiệp vụ hành chính hộ tịch cũng như tinh thần, thái độ phục vụ nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức được nâng lên, từng bước xây dựng nền hành chính nhà nước dân chủ, trong sạch, vững mạnh, chuyên nghiệp và hoạt động có hiệu lực, hiệu quả.

UBND tỉnh đã giao cho Sở Tư pháp chủ động tiến hành rà soát và nắm rõ tình hình sử dụng máy vi tính, mạng Internet trong phạm vi địa phương. Đối với những địa phương đã có điều kiện sử dụng Internet, thì hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã cách thức truy cập mạng Internet để in và sử dụng các biểu mẫu hộ tịch đen trắng, không có hoa văn, đối với những địa phương chưa có điều kiện sử dụng

Internet, thì UBND cấp huyện chỉ đạo Phòng Tư pháp chủ động tổ chức in, phát hành các biểu mẫu hộ tịch này, đáp ứng đầy đủ yêu cầu sử dụng biểu mẫu hộ tịch của địa phương.

Toàn tỉnh đã thực hiện tốt Đề án 30 về đơn giản hoá thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước, trong đó có lĩnh vực đăng ký và quản lý hộ tịch. Việc đăng tải công khai trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh các biểu mẫu hộ tịch, quy trình giải quyết việc hộ tịch để các cơ quan đăng ký hộ tịch và người dân có thể truy cập để in và sử dụng miễn phí. Cơ chế một cửa đã điều chỉnh mối quan hệ giữa người dân và công chức, tạo cơ chế giám sát, quản lý của người dân đối với cơ quan đăng ký hộ tịch, giữa lãnh đạo quản lý với cán bộ, công chức tư pháp- hộ tịch, giảm bớt phiền hà, tiêu cực, thể hiện rõ bản chất và mục tiêu của công tác cải cách thủ tục hành chính.

* Những tồn tại, hạn chế:

- Hiện tượng đặt thêm thủ tục, giấy tờ ngoài quy định của pháp luật, gây phiền hà cho người dân trong quá trình giải quyết yêu cầu đăng ký hộ tịch vẫn còn xảy ra ở một số địa phương. Công nghệ thông tin chưa được triển khai áp dụng một cách đầy đủ, cho đến nay chưa có cơ sở dữ liệu thống nhất về hộ tịch.

- Do mục tiêu cải cách thủ tục hành chính đặt ra quá cao: Giải quyết khai sinh, khai tử, cấp bản sao... ngay sau khi được cung cấp thông tin đầy đủ. Việc này gây khó khăn cho cán bộ tư pháp- hộ tịch bởi cán bộ tư pháp- hộ tịch không phải là người trực tiếp ký cấp các giấy tờ hộ tịch mà là người tham mưu, tiếp nhận thông tin, cập nhật thông tin và dự thảo biểu mẫu hộ tịch để trình Lãnh đạo UBND, lãnh đạo Phòng Tư pháp, lãnh đạo Sở ký.

- Biểu mẫu đơn, tờ khai việc hộ tịch bị cắt giảm (tờ khai đăng ký khai sinh, khai tử...) nên việc người dân cung cấp thông tin miệng cho cán bộ tư pháp- hộ tịch dẫn đến đăng ký không chính xác, ghi nhầm thông tin, gây phiền hà, lãng phí...

III. ĐÁNH GIÁ MÔ HÌNH ĐĂNG KÝ VÀ QUẢN LÝ HỘ TỊCH

Trước đây, việc đăng ký hộ tịch chỉ được thực hiện tại 2 cấp: tỉnh, xã. Cấp huyện là cấp trung gian giúp cấp tỉnh triển khai thực hiện các quy định, kế hoạch về hộ tịch đến cấp xã, kiểm tra, hướng dẫn hoạt động quản lý và đăng ký hộ tịch tại cấp xã. Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ra đời đã phân cấp cho cấp huyện một số việc hộ tịch: Cấp bản sao hộ tịch; thay đổi, cải chính hộ tịch...

Như vậy, mô hình quản lý hộ tịch hiện nay được chia thành 4 cấp:

- Bộ Tư pháp (cấp Trung ương) là cơ quan ban hành các văn bản thực hiện, hướng dẫn và hoạch định các chính sách về đăng ký và quản lý hộ tịch;

- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (cấp tỉnh mà cơ quan tham mưu là Sở Tư pháp) vừa thực hiện quản lý nhà nước, kiểm tra, hướng dẫn về công tác hộ tịch vừa trực tiếp giải quyết đăng ký hộ tịch có yếu tố nước ngoài.

- UBND các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (cấp huyện mà cơ quan tham mưu là Phòng Tư pháp) vừa thực hiện quản lý, hướng dẫn vừa thực hiện một số nhiệm vụ đăng ký hộ tịch.

- UBND các xã, phường, thị trấn: Thực hiện công tác quản lý và đăng ký các việc hộ tịch trong nước.

Việc quy định mô hình 4 cấp như hiện nay là hợp lý. Sở Tư pháp là cơ quan tham mưu cho UBND tỉnh thực hiện đăng ký hộ tịch có yếu tố nước ngoài là phù

hợp với điều kiện sẵn có, đảm bảo về lực lượng, năng lực của đội ngũ công chức, cơ sở vật chất, trang thiết bị đầy đủ, thuận lợi cho việc sử dụng, cập nhật thông tin văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành thuộc lĩnh vực chuyên môn, sự phối hợp trao đổi thông tin giữa Sở Tư pháp và Công an tỉnh khi cần xác minh về nhân thân của đương sự cũng dễ dàng và thuận lợi hơn.

Thực tế Nghị định số 158/2005/NĐ-CP của Chính phủ về công tác đăng ký và quản lý hộ tịch ra đời là bước cải cách tư pháp hành chính có tính đột phá trên lĩnh vực đăng ký và quản lý hộ tịch, đặc biệt là mạnh dạn giao thẩm quyền thực hiện về chính quyền cấp cơ sở, nhằm tạo thuận lợi cho nhân dân trong công tác đăng ký, quản lý hộ tịch. Nhìn chung, cấp huyện, xã đã tiếp nhận, tổ chức thực hiện đạt kết quả khá tốt, góp phần không nhỏ phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế- xã hội ở địa phương, đáp ứng yêu cầu của công dân về công tác đăng ký và quản lý hộ tịch.

Tuy nhiên, khi được phân cấp mạnh các việc hộ tịch thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh cho UBND cấp huyện, cấp xã giải quyết thì việc đầu tư con người, cơ sở vật chất, điều kiện làm việc chưa bảo đảm, hơn nữa cán bộ công chức tư pháp hộ tịch đều là kiêm nhiệm, không có chuyên trách và một số cán bộ công chức tư pháp- hộ tịch cấp huyện, xã do chưa nghiên cứu sâu các văn bản quy phạm pháp luật nên dễ xảy ra nhiều trường hợp sai sót như: Đăng ký hộ tịch không đúng thẩm quyền, giải quyết các trường hợp thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính còn mang nặng cảm tính, phiến diện, không đúng quy định của pháp luật, hồ sơ lưu trữ lộn xộn, không tra cứu được...

IV. TÌNH HÌNH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG ĐĂNG KÝ VÀ QUẢN LÝ HỘ TỊCH

1. Những thuận lợi, khó khăn, bất cập của công tác đăng ký và quản lý hộ tịch theo phương thức đăng ký hộ tịch thủ công hiện nay:

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh (trừ thành phố Huế) việc quản lý và đăng ký hộ tịch hoàn toàn được thực hiện bởi phương pháp thủ công. Hệ thống lưu trữ hồ sơ, sổ sách hộ tịch cũng như thực hiện đăng ký hộ tịch mỗi địa phương một cách khác nhau và phụ thuộc vào cơ sở vật chất của từng đơn vị. Do đó khả năng khai thác hệ thống dữ liệu hộ tịch cũng như sự phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức trong việc cung cấp thông tin về hộ tịch, khai thác cơ sở dữ liệu về hộ tịch không cao, rất khó khăn trong quá trình sao lục khi không được cung cấp thông tin có liên quan. Trong khi đó, cơ sở dữ liệu về hộ tịch không chỉ có ý nghĩa đối với riêng hoạt động đăng ký và quản lý hộ tịch mà còn có ý nghĩa rất lớn đối với công tác quản lý nhà nước của nhiều ngành, nhiều lĩnh vực như: Quản lý dân cư, dân số kế hoạch hóa gia đình...nên việc xây dựng cơ chế tổ chức, quản lý, khai thác hệ thống cơ sở dữ liệu về hộ tịch cần được chú trọng, nhất là việc xây dựng cơ sở dữ liệu điện tử tập trung.

2. Tình hình áp dụng công nghệ thông tin trong đăng ký, quản lý hộ tịch tại tỉnh:

Tỉnh Thừa Thiên Huế cũng như hầu hết các tỉnh, thành phố khác trên cả nước, việc đăng ký và quản lý hộ tịch được tỉnh quan tâm đầu tư nhưng vẫn thực hiện thủ công, giao cho các địa phương tự nghiên cứu áp dụng cải tiến kỹ thuật trong quá trình đăng ký và quản lý hộ tịch.

Hiện nay chỉ mới UBND thành phố Huế chủ động xây dựng phần mềm về công tác quản lý hộ tịch, đồng thời đầu tư hỗ trợ phần mềm này cho UBND các

phường trên địa bàn thành phố thống nhất công tác đăng ký và quản lý hộ tịch. Quá trình triển khai ứng dụng phần mềm, công tác thống kê, báo cáo đăng ký và quản lý hộ tịch từ UBND các phường đến UBND thành phố đảm bảo đầy đủ, kịp thời, chính xác. Nhờ đó tiết kiệm được thời gian, công sức trong quá trình lập, chuyển các loại báo cáo, văn bản nhưng vẫn đảm bảo tính chính xác, thuận tiện và minh bạch, đáp ứng đầy đủ các qui định của Nghị định số 158/2005/NĐ-CP và Thông tư số 08.a/2010/TT-BTP.

Sau một thời gian tổ chức triển khai thực hiện việc ứng dụng phần mềm trong công tác quản lý hộ tịch tại thành phố Huế đã đem lại nhiều kết quả tích cực, giảm bớt các thủ tục hành chính đối với nhân dân. Tiến tới UBND thành phố Huế có thể theo dõi trực tuyến hoạt động đăng ký hộ tịch của các phường trong các lĩnh vực: biểu mẫu, sổ sách... nhằm chấn chỉnh ngay những việc chưa đúng quy định, nâng cao chất lượng hoạt động của đội ngũ cán bộ tư pháp các phường...

3. Triển vọng của việc tin học hóa đăng ký, quản lý hộ tịch tại địa phương trong thời gian tới:

Xác định việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và đăng ký hộ tịch là xu hướng tất yếu, nhằm định hướng để phát triển, nhất quán chỉ đạo quản lý hộ tịch trong toàn tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 2260/QĐ-UBND ngày 31/10/2011 phê duyệt báo cáo đầu tư triển khai, nâng cấp phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch từ cấp tỉnh đến cấp xã, mà Sở Tư pháp là chủ đầu tư dự án. Đến nay, Sở Tư pháp đang hoàn thành các thủ tục đầu tư để sớm đưa dự án vào triển khai trong thực tế.

V. ĐÁNH GIÁ MỐI QUAN HỆ GIỮA HỘ TỊCH VỚI CÁC LĨNH VỰC KHÁC

Hộ tịch là sự kiện cơ bản xác định tình trạng nhân thân của một người từ khi sinh ra cho đến khi chết. Vì vậy, các vấn đề về hộ tịch có mối liên hệ mật thiết với các ngành, lĩnh vực khác và đặc biệt là: Ngành Công an trong quản lý hộ khẩu, chứng minh nhân dân; Ngành Y tế trong quản lý dân số và kế hoạch hóa gia đình, bảo hiểm y tế; Ngành Giáo dục và Đào tạo trong quản lý học bạ, văn bằng chứng chỉ; Ngành Nội vụ trong quản lý hồ sơ cán bộ, công chức; Ngành Lao động, Thương binh và Xã hội trong quản lý Bảo hiểm xã hội; Hội phụ nữ, Đoàn Thanh niên trong việc tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cá nhân trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đăng ký hộ tịch. Tuy nhiên, sự phối hợp trong thời gian qua giữa các ban ngành chưa có hệ thống, chỉ mang tính sự vụ, không thường xuyên.

- Đăng ký hộ tịch đầy đủ, chính xác, kịp thời là cơ sở và tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan Công an trong quá trình thực hiện nhập hộ khẩu, cấp chứng minh nhân dân cho người dân, quản lý công dân... Ngược lại hộ khẩu, chứng minh nhân dân là một trong những cơ sở cho việc đăng ký lại các sự kiện hộ tịch. Thời gian qua lĩnh vực quản lý hộ khẩu, giấy chứng minh nhân dân, trong một số trường hợp đương sự có 2 thông tin khác nhau thì cơ quan Công an không thể tiến hành tra cứu các dữ liệu hộ tịch của ngành Tư pháp, mặc dù Nghị định số 158/2005/NĐ-CP có khẳng định Giấy khai sinh là giấy tờ hộ tịch gốc của mỗi người, nhưng do không có hồ sơ, sổ bộ lưu nên khi người dân bị mất Giấy khai sinh phải thực hiện đăng ký lại việc sinh thì Giấy khai sinh này được cấp mới hoàn toàn theo những chứng cứ do người dân tự cung cấp. Do cơ quan Công an cũng có một hệ thống hồ sơ lưu trữ riêng nên không chấp nhận Giấy khai sinh được đăng ký lại này là “giấy tờ hộ tịch gốc”.

Từ đó phản ánh về công tác đăng ký và quản lý hộ tịch vẫn còn khép kín; giữa tàng thư của Công an và sổ hộ tịch của ngành Tư pháp được lưu giữ khá độc lập, chưa có sự thống nhất; dữ liệu về nhân thân của cá nhân khi đăng ký hộ tịch chưa được liên thông và thống nhất sử dụng, khai thác.

- Trên lý thuyết, giữa ngành Tư pháp và các ngành Nội vụ, Lao động - Thương Binh và Xã hội phải có sự phối hợp chặt chẽ đảm bảo sự chính xác trong quản lý hồ sơ cán bộ, công chức và các hồ sơ chuyên ngành. Công tác đăng ký, quản lý hộ tịch được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định là tiền đề tốt cho việc thực hiện các chính sách quản lý nhà nước đối với nhiều ngành, lĩnh vực. Riêng đối với công tác quản lý hồ sơ cán bộ, công chức của ngành Nội vụ cũng đòi hỏi cần có sự thống nhất cao các thông tin cá nhân của mỗi cán bộ, công chức như họ tên, ngày tháng năm sinh, cha mẹ,... nhằm giúp cho cơ quan sử dụng cán bộ, công chức nắm bắt, khai thác, các thông tin về nhân thân, quan hệ gia đình để có chính sách sử dụng, ưu đãi hợp lý. Tuy nhiên, trên thực tế mối liên quan giữa các ngành này vẫn chưa thể hiện rõ nét trong công tác quản lý hộ tịch.

- Công tác quản lý hộ tịch trong lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo về việc điều chỉnh văn bằng, chứng chỉ cho phù hợp với giấy tờ hộ tịch là rất lớn. Theo quy chế quản lý ngành Giáo dục và Đào tạo thì văn bằng chỉ cấp một lần, đồng thời theo nguyên tắc của Nghị định số 158/2005/NĐ-CP thì “Mọi giấy tờ đều phải phù hợp giấy khai sinh” nên khi có sai sót hoặc cần đính chính các văn bằng theo giấy khai sinh thì ngành Giáo dục-Đào tạo còn nhiều lúng túng do chưa có văn bản hướng dẫn, gây rất nhiều khó khăn trong trường hợp có sai lệch giữa văn bằng, chứng chỉ với giấy khai sinh, hộ khẩu.

- Việc đăng ký hộ tịch kịp thời cho trẻ giúp ngành Y tế; Lao động, Thương binh và Xã hội có cơ sở để cấp thẻ khám chữa bệnh miễn phí cho trẻ em dưới 6 tuổi; thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội; thống kê tình hình dân số nhằm có kế hoạch cho công tác tuyên truyền, vận động thực hiện kế hoạch hóa gia đình; đảm bảo các chính sách của Nhà nước về bảo hiểm.

- Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên tuy có nhiều hoạt động thiết thực, bổ ích trong tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình trong việc đăng ký hộ tịch nhưng chưa thể hiện rõ vai trò của mình đối với công việc đăng ký và quản lý hộ tịch.

VI. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ VÀ TRÁCH NHIỆM

*** Kiến nghị đối với Chính phủ, Bộ Tư pháp:**

- Sớm trình Quốc hội Dự thảo Luật Hộ tịch, đề nghị thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh nên phân cấp cho Giám đốc Sở Tư pháp và xây dựng chức danh tư pháp, chức danh hộ tịch riêng biệt để chuyên nghiệp hóa đội ngũ cán bộ tư pháp-hộ tịch.

- Việc cải cách thủ tục hành chính, cắt giảm giấy tờ là cần thiết tuy nhiên phải đảm bảo khoa học. Nên mẫu hóa các mẫu đơn, tờ khai để mọi người biết và thuận tiện trong việc kê khai, cung cấp thông tin cho cơ quan đăng ký hộ tịch.

- Tăng cường quản lý hộ tịch theo hướng hiện đại hóa, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, tăng cường tính chuyên nghiệp, xây dựng cơ sở dữ liệu tập trung trong công tác đăng ký, quản lý hộ tịch.

- Đối với biểu mẫu hộ tịch cần có sự ổn định lâu dài, nên giao cho các địa phương chủ động việc in ấn và phát hành biểu mẫu hộ tịch (theo hình thức quy định chung toàn quốc) nhằm đảm bảo tính kịp thời phục vụ.

- Quy định chế tài nghiêm đối với những hành vi cố tình khai báo gian dối nhằm kết hôn trái phép, lợi dụng việc kết hôn để hợp thức hoá việc xuất cảnh ra nước ngoài. Có quy định cụ thể về một số trường hợp có thể từ chối việc đăng ký kết hôn; công nhận việc kết hôn đã được tiến hành tại cơ quan có thẩm quyền ở nước ngoài để đảm bảo quan hệ hôn nhân hạnh phúc, lành mạnh, tiến bộ, bền vững.

VII. ĐỀ XUẤT NỘI DUNG XÂY DỰNG LUẬT HỘ TỊCH

Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về hộ tịch quá tản mạn, trình tự, thủ tục, thẩm quyền đăng ký rườm rà, nhiều cấp, cơ sở dữ liệu thủ công nên hiệu quả khai thác kém. Vì vậy, xây dựng ban hành Luật Hộ tịch là một tất yếu để việc đăng ký hộ tịch vừa thuận tiện cho người dân vừa khắc phục những hạn chế trong công tác quản lý nhà nước.

1. Mô hình, hệ thống cơ quan đăng ký và quản lý hộ tịch:

Công tác quản lý và đăng ký hộ tịch là công tác chuyên môn sâu, thường xuyên, có ảnh hưởng lớn đối với đời sống xã hội và có liên quan đến vấn đề ngoại giao của quốc gia. Do xu thế phát triển của xã hội, sự nhận thức của người dân, nhu cầu về đăng ký hộ tịch ngày một tăng. Đăng ký hộ tịch kịp thời, chính xác là nhân tố quan trọng nhằm đảm bảo an ninh, chính trị, quốc phòng, thúc đẩy phát triển kinh tế. Với mô hình quản lý hộ tịch 4 cấp, trong đó, trực tiếp đăng ký hộ tịch được giao đồng thời cho 3 cấp (tỉnh, huyện, xã) như hiện nay là phù hợp.

Trên tinh thần cải cách hành chính thì việc đăng ký hộ tịch nên có sự phân cấp cho hợp lý và phù hợp với điều kiện thực tế hiện nay để công tác đăng ký hộ tịch giữ nguyên mô hình quản lý hộ tịch 4 cấp, trong đó, trực tiếp đăng ký hộ tịch được giao đồng thời cho 3 cấp (tỉnh, huyện, xã) như hiện nay. Thẩm quyền thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc, xác định giới tính... từ 14 tuổi trở lên nên phân cấp cho cấp tỉnh giải quyết, từ 14 tuổi trở xuống phân cấp cho cấp huyện giải quyết.

2. Về quan hệ giữa hộ tịch với các lĩnh vực khác:

Hộ tịch và các lĩnh vực khác luôn có mối gắn kết thường xuyên và chặt chẽ như lĩnh vực Dân số, lao động, việc làm, kế hoạch hóa gia đình, lý lịch tư pháp, bảo hiểm xã hội... Tuy nhiên, hiện nay chưa có quy định về sự phối hợp để khai thác, chia sẻ thông tin giữa lĩnh vực hộ tịch với những lĩnh vực khác.

Luật Hộ tịch cần quy định cụ thể nhiệm vụ của từng ngành trong việc chia sẻ thông tin về hộ tịch, quy định thủ tục, thời gian của việc cung cấp thông tin hộ tịch, quy định chế tài đủ mạnh để xử lý đối với những trường hợp vi phạm.

3. Tổ chức, quản lý cơ sở dữ liệu về hộ tịch:

Cơ sở dữ liệu hộ tịch là kết quả của hoạt động đăng ký hộ tịch. Cơ sở dữ liệu có ý nghĩa quan trọng đối với hoạt động quản lý hộ tịch và quản lý nhà nước trên nhiều lĩnh vực.

Trên địa bàn tỉnh hiện nay, cơ sở dữ liệu hộ tịch hầu hết được lưu trữ thủ công là sổ sách bằng giấy, do đó tính bền vững không cao, việc khai thác không hiệu quả nên việc xây dựng hệ thống lưu trữ điện tử là một nhu cầu thiết yếu. Trước mắt, để khả thi việc tin học hoá và xây dựng cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử nên làm theo từng địa phương, giao cho Sở Tư pháp thống nhất quản lý trên địa bàn. Đến

một thời điểm nhất định, các địa phương trên toàn quốc thực hiện chuyển cơ sở dữ liệu hộ tịch tập trung về Bộ Tư pháp để thống nhất quản lý, đảm bảo kết nối, chia sẻ thông tin hộ tịch sẽ thuận tiện dễ dàng giữa các ngành và các địa phương nhanh chóng và tiện lợi nhất.

4. Về mã số công dân:

Ở nước ta hiện nay, đã có nhiều ngành sử dụng mã số để phục vụ cho hoạt động quản lý của ngành như: Mã số thuế cá nhân, mã số bảo hiểm xã hội, số chứng minh nhân dân... Trong đó, số chứng minh nhân dân đang được sử dụng rộng rãi nhất, nhiều ngành đã căn cứ vào số này để tra cứu thông tin về nhân thân của người đó. Hiện ngành Công an cũng đang xây dựng lộ trình cho việc cấp mã số cho công dân theo Nghị định số 90/2010/NĐ-CP, ngày 18/8/2010 quy định về cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, được áp dụng chung đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xây dựng, thu thập, cập nhật, duy trì, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Vì vậy, việc xây dựng mã số công dân theo Luật Hộ tịch là cần thiết.

Việc xây dựng và áp dụng mã số công dân ngay từ khi đăng ký khai sinh cho trẻ là một bước đột phá, nhưng trước tiên cần phải xây dựng một lộ trình khoa học và khả thi vì cho đến thời điểm này cả nước vẫn chưa xây dựng một hệ thống cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử thì việc cấp mã số công dân rất khó khả thi. Trước mắt, cần phải xây dựng cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử thống nhất trên toàn quốc.

5. Chế độ hộ tịch viên:

Từ thực tiễn công tác quản lý cho thấy với số lượng và chất lượng cán bộ tư pháp- hộ tịch cấp xã như hiện nay thì khó đảm nhận được tất cả các công việc được giao.

Công tác hộ tịch là một hoạt động chuyên môn mang tính chuyên sâu, chuyên nghiệp, do đó nhằm nâng cao công tác đăng ký quản lý hộ tịch và chất lượng cán bộ, công chức thì dự thảo luật cần phải xây dựng chức danh hộ tịch viên. Chức danh hộ tịch viên cần được xác định như một số chức danh Tư pháp khác: Công chứng viên, đấu giá viên, giám định viên... và phải có quy định cụ thể về tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm hộ tịch viên với những điều kiện nhất định cũng như chế độ đãi ngộ hợp lý để có thể thu hút, duy trì, ổn định nhân lực.

Trên đây là báo cáo tổng kết công tác đăng ký và quản lý hộ tịch và việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về hộ tịch trên địa bàn tỉnh./.

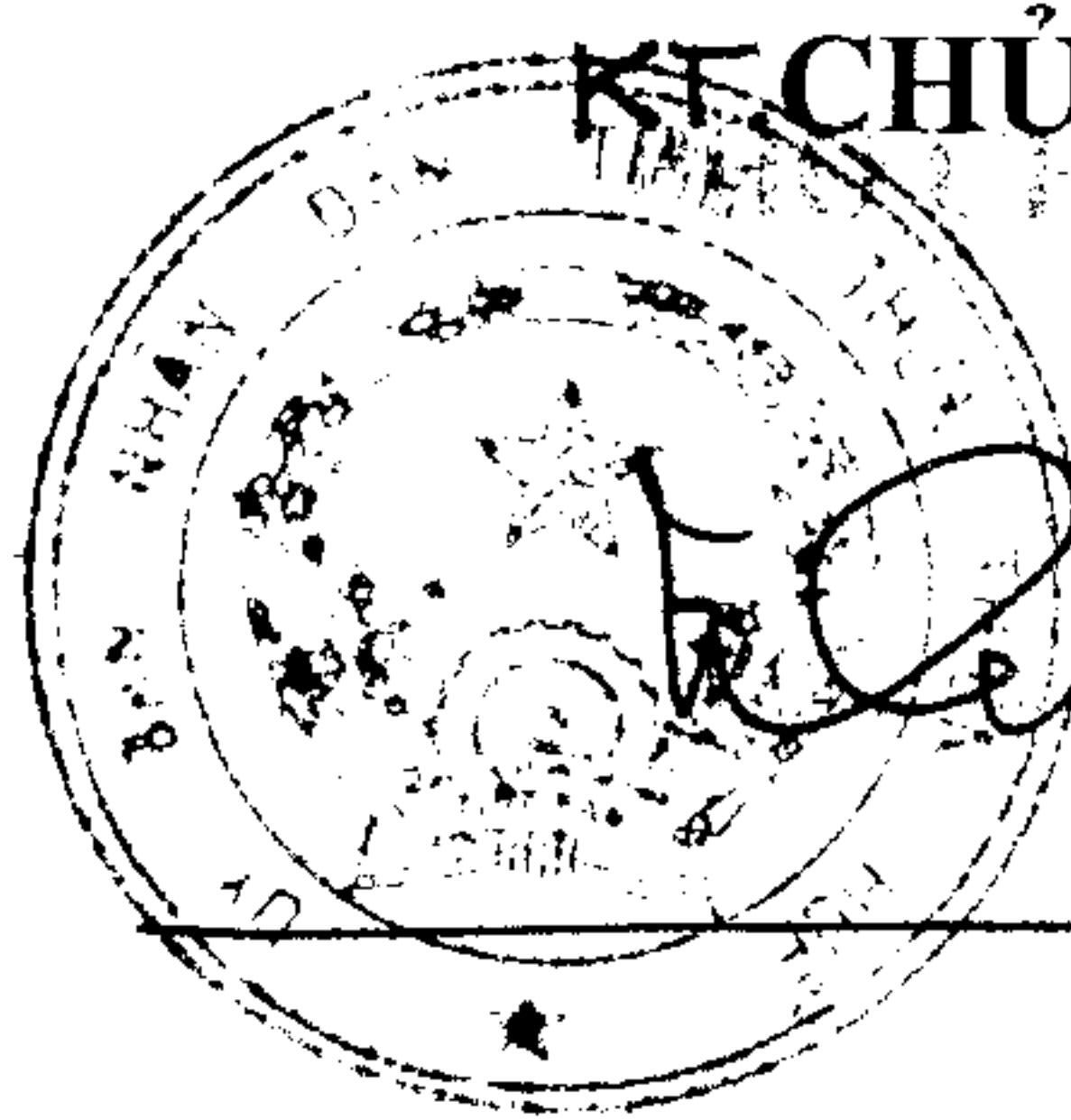
(Gửi kèm 03 biểu phụ lục số liệu thống kê).

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Các Sở: TP, NgV, NV, TC, YT, GD&ĐT, LĐTB&XH, KH &ĐT;
- UBND thành phố, thị xã và các huyện;
- CVP, các PCVP và CV: NC, TH, KH;
- Lưu: VT, NV. ✓

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KẾ CHỨC TỊCH



Hoàng Hoa

SỞ TƯ PHÁP TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

PHỤ LỤC 3
RÀ SOÁT ĐỘI NGŨ CÔNG CHỨC TƯ PHÁP HỘ TỊCH TRONG PHẠM VI
TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

Tổng số đơn vị hành chính cấp xã	Tổng số đơn vị hành chính cấp huyện	Tổng số công chức Tư pháp hộ tịch trên địa bàn tỉnh	Công chức Tư pháp hộ tịch			Giới tính		Dân tộc		Trình độ văn hóa		Trình độ chuyên môn				Thời gian làm công tác Tư pháp hộ tịch	
			Chuyên trách hộ tịch	Kiểm nhiệm Tư pháp hộ tịch	Hợp đồng	Nam	Nữ	Kinh	Khác	THPT	THCS	Bồi dưỡng nghiệp vụ Tư pháp hộ tịch	Trung cấp luật	Đại học Luật	Trình độ chuyên môn khác	Dưới 05 năm	Từ 05 năm trở lên
152	09	292	235	38	19	189	103	250	42	292	00	05	105	140	42	144	148

Người lập biểu

Nguyễn Ngọc Phương

Nguyễn Ngọc Phương

Thừa Thiên Huế, ngày 16 tháng 3 năm 2012



Dương Quang Cường

SỞ TƯ PHÁP TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

PHỤ LỤC 6
BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG SỐ HỘ TỊCH LƯU TẠI UBND
CẤP XÃ, UBND CẤP HUYỆN VÀ SỞ TƯ PHÁP

Số T T	Năm lưu trữ	Số đăng ký khai sinh				Số đăng ký kết hôn				Số đăng ký khai tử			
		Tổng	Tại cấp xã	Tại cấp huyện	Tại Sở Tư pháp	Tổng	Tại cấp xã	Tại cấp huyện	Tại Sở Tư pháp	Tổng	Tại cấp xã	Tại cấp huyện	Tại Sở Tư pháp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	1987	97	83	14	00	93	81	12	00	52	50	02	00
2	1988	90	73	17	00	89	76	13	00	49	47	02	00
3	1989	92	74	18	00	85	72	13	00	53	45	08	00
4	1990	163	113	50	00	136	99	37	00	76	54	22	00
5	1991	194	137	57	00	119	84	35	00	77	55	22	00
6	1992	177	126	51	00	127	86	41	00	81	51	30	00
7	1993	194	124	70	00	153	96	56	01	100	58	42	00
8	1994	233	141	92	00	190	111	78	01	123	64	59	00
9	1995	233	131	102	00	209	114	93	02	133	74	59	00
10	1996	261	150	111	00	214	127	86	01	161	99	62	00
11	1997	277	157	120	00	225	134	90	01	173	104	69	00
12	1998	268	156	112	00	234	138	94	02	184	113	71	00
13	1999	386	215	169	02	258	147	110	01	168	93	75	00
14	2000	418	237	180	01	249	139	109	01	174	109	65	00
15	2001	439	248	190	01	249	140	107	02	189	113	76	00
16	2002	374	204	169	01	274	150	123	01	193	127	65	01
17	2003	389	211	177	01	263	146	115	02	193	123	69	01
18	2004	372	203	168	01	254	150	103	01	181	129	51	01

19	2005	367	207	159	01	251	147	102	02	200	137	62	01
20	2006	324	200	123	01	230	147	81	02	185	130	54	01
21	2007	294	187	106	01	236	153	80	03	212	139	72	01
22	2008	279	177	101	01	228	149	76	03	191	138	52	01
23	2009	248	167	80	01	217	145	69	03	173	128	44	01
24	2010	251	155	95	01	207	137	67	03	176	126	49	01
Tổng số		6.420	3.876	2.531	13	4.790	2.968	1.790	32	3.497	2.306	1.182	09

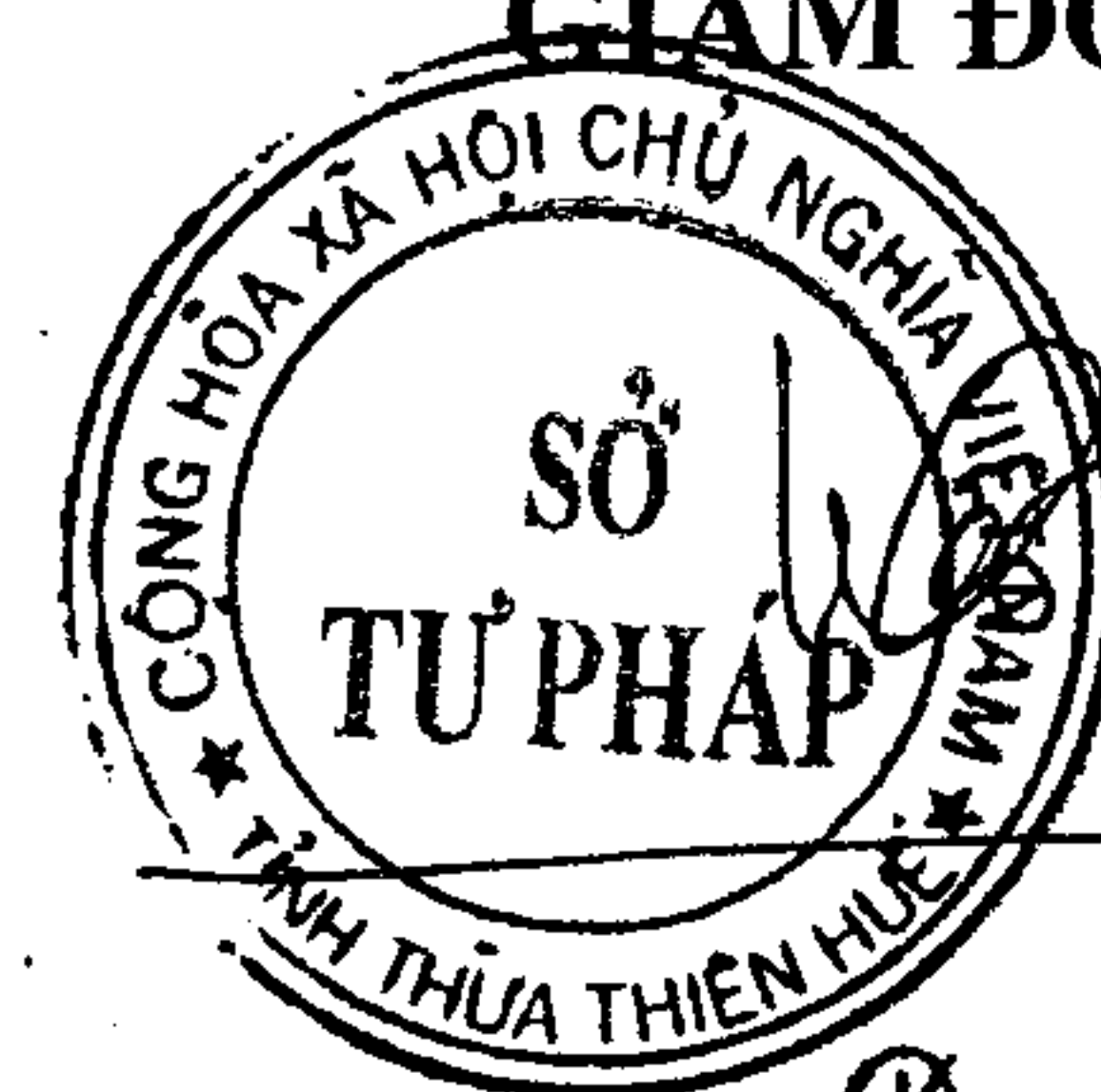
Người lập biểu

Phuoc

Nguyễn Ngọc Phước

Thừa Thiên Huế, ngày 16...tháng 2...năm 2012

GIÁM ĐỐC



Dương Quang Cường

SỞ TƯ PHÁP TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

PHỤ LỤC 9
THỐNG KÊ SỐ LIỆU ĐĂNG KÝ TRONG SỔ HỘ TỊCH LƯU TẠI UBND
CẤP XÃ, UBND CẤP HUYỆN VÀ SỞ TƯ PHÁP

Số T T	Năm lưu trữ	Số trường hợp đăng ký khai sinh				Số trường hợp đăng ký kết hôn				Số trường hợp đăng ký khai tử			
		Tổng	Tại cấp xã	Tại cấp huyện	Tại Sở Tư pháp	Tổng	Tại cấp xã	Tại cấp huyện	Tại Sở Tư pháp	Tổng	Tại cấp xã	Tại cấp huyện	Tại Sở Tư pháp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	1987	16.453	15.768	685	00	4.867	4.640	227	00	1.544	1.544	00	00
2	1988	18.315	17.192	1.123	00	5.480	5.315	165	00	1.208	1.208	00	00
3	1989	17.394	16.067	1.327	00	5.026	4.823	203	00	1.056	1.056	00	00
4	1990	18.183	15.798	2.385	00	4.694	4.238	456	00	1.064	1.064	00	00
5	1991	21.282	18.849	2.433	00	5.868	4.969	899	00	1.063	1.034	29	00
6	1992	21.636	19.916	1.720	00	4.771	4.214	557	00	896	851	45	00
7	1993	24.041	21.881	2.160	00	5.822	4.739	1.025	58	1.249	1.130	119	00
8	1994	31.301	29.500	1.801	00	6.650	5.778	791	81	1.056	959	97	00
9	1995	38.788	28.010	10.778	00	8.273	5.448	2.744	81	1.409	1.026	383	00
10	1996	37.486	27.242	10.244	00	8.689	5.948	2.617	124	2.068	1.423	645	00
11	1997	37.717	29.527	8.190	00	8.423	6.171	2.109	143	2.159	1.512	647	00
12	1998	32.457	24.269	8.188	00	7.887	5.704	1.985	198	2.226	1.638	588	00
13	1999	31.235	23.472	7.729	34	7.802	5.489	2.114	199	2.374	1.704	670	00
14	2000	42.186	32.427	9.698	61	10.189	7.193	2.818	178	2.605	1.875	730	00
15	2001	49.327	38.178	11.069	80	11.516	8.110	3.200	206	2.642	1.933	709	00
16	2002	36.752	26.495	10.178	79	20.692	16.256	4.255	181	3.134	2.397	730	07
17	2003	35.202	25.610	9.518	74	13.846	9.581	3.959	306	3.465	2.566	887	12
18	2004	12.973	2.916	9.991	66	12.513	8.598	3.605	310	4.005	2.936	1.061	08

19	2005	40.540	29.284	11.145	111	12.723	8.687	3.632	404	4.339	3.150	1.186	03
20	2006	39.857	28.749	11.059	49	12.633	8.864	3.449	320	5.382	3.828	1.538	16
21	2007	38.468	28.000	10.430	38	13.564	9.521	3.642	401	5.967	4.345	1.608	14
22	2008	38.965	25.751	13.144	70	13.434	10.147	2.895	392	6.205	4.998	1.193	14
23	2009	33.126	27.387	5.632	107	12.926	10.498	2.035	393	6.361	5.194	1.152	15
24	2010	27.620	23.397	4.092	131	14.345	11.917	2.089	339	6.846	5.469	1.359	18
Tổng số		741.304	575.685	164.719	900	232.633	176.848	51.471	4.314	70.323	54.840	15.376	107

Người lập biểu

Phuix

Nguyễn Ngọc Phúix

Thừa Thiên Huế, ngày *11* tháng *3* năm 2012

GIÁM ĐỐC



Dương Quang Cường